

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:112/2022/HSST

Ngày: 19/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Duy Hải

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Phi Long và bà Trần Thị Thu Hoài

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
ông Đặng Huy Cường - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 80/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Phương T**, sinh ngày 08/10/1980 tại Kim Thành, Hải Dương; nơi cư trú: khu 7, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông: Nguyễn T Thủy (đã chết) và bà: Phạm Thị M; có chồng là: Nhữ Văn Đ và có 04 con, con lớn sinh năm 2003; con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bắt tạm giam ngày 22/4/2022, hiện tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Nguyễn Việt D, sinh ngày 18/11/1971, Luật sư Công ty TNHH Sunshine Quảng Ninh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: số 315 Lê Lợi, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Ông Nguyễn Kiều Đ, sinh ngày 03/4/1976, Luật sư Văn phòng Luật sư Á Đông thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Số 15A Hồng Quang, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt và gửi bài bào chữa cho bị cáo).

- *Bị hại*: anh Kiều T N, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ 1, khu 2, phường Việt Hưng, thành phố Hà Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Ngô Văn X, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn Cũ, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2. Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ H; địa chỉ: số 65 Cặp Bè, phường Bạch Đằng, thành phố Hà Long, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: anh Bùi Xuân N, sinh năm 1986, địa chỉ: tổ 34, khu 3, phường Cao Xanh, thành phố Hà Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Những người làm chứng*:

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1969, vắng mặt.

2. Anh Trần Xuân Q, sinh năm 1987, vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị T N, sinh năm 1980, vắng mặt.

4. Anh Trần Anh D, sinh năm 1972, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2018, Nguyễn Thị Phương T nhờ anh Kiều T N là bạn của T thuê hộ 01 chiếc ô tô để sử dụng, hằng tháng T sẽ có trách nhiệm chuyển tiền cho N để trả tiền thuê xe, anh N đồng ý. Ngày 28/12/2018, anh N đến Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ HaLong Auto ký hợp đồng thuê 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, biển kiểm soát (BKS) 14A-238.85, với giá thuê 25.000.000 đồng/tháng, thời gian thuê tính từ ngày 28/12/2018 rồi giao lại cho T sử dụng.

Khoảng đầu tháng 01/2019, do có nhu cầu vay tiền, thông qua anh Nguyễn Văn L là bác họ của anh Ngô Văn X giới thiệu nên T và Vũ Thị L (bạn của T) đã đặt vấn đề vay anh X 200 triệu đồng trong khoảng 10 ngày để trả tiền cho công nhân, để làm tin T giao cho anh X quản lý một chiếc xe ô tô Innova BKS 30F-257., anh X đồng ý cho vay. Khoảng 03 ngày sau L, T đến nhà gặp anh X trả 200 triệu đồng và lấy lại chiếc xe ô tô trên mang đi. Khoảng 05 ngày sau L, T mang chiếc xe ô tô trên và một chiếc xe ô tô Mazda 6 BKS 34A-207. đến hỏi vay anh X số tiền 500 triệu đồng trong khoảng 10 ngày để lo việc Công ty, để lại hai chiếc xe ô tô cho anh X để làm tin, anh X đồng ý rồi viết giấy vay tiền ký tên xác nhận. Khoảng 03 ngày sau L, T mang thêm 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford màu đen, BKS 15B-029. giao cho anh X để vay tiếp số tiền 300 triệu đồng, anh X đồng ý và hai bên viết ký giấy vay tiền. Khoảng 05 ngày sau T, L lại liên hệ với anh X hỏi vay thêm số tiền 600 triệu đồng để tiếp tục lo việc công ty, thế

chấp thêm cho anh X 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 màu trắng, BKS 14A-238.85. Mặc dù T, L cam kết các xe ô tô này đều là tài sản thuộc công ty của L, T nhưng do thấy số tiền cho vay đã quá lớn và tài sản để lại làm tin là các xe ô tô đều đã thế chấp ngân hàng nên để đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, ngày 16/01/2019 anh X đã nhờ anh L gọi văn phòng Thừa phát lại thành phố Uông Bí đến lập 02 Vi bằng ghi nhận lại việc L, T giao quyền sử dụng 04 chiếc xe ô tô nêu trên cho anh X để vay tổng cộng số tiền 1.400.000.000 đồng, trong đó có: 01 Vi bằng thể hiện L giao cho anh X 02 xe ô tô BKS: 15B-029., 34A-207. để vay số tiền 800.000.000 đồng và 01 Vi bằng thể hiện T giao cho anh X 02 xe ô tô BKS: 30F-257.22, 14A-238.85 để vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng từ ngày 16/01/2019 đến ngày 16/5/2019. Sau khi lập vi bằng, T, L đi về nhà anh X nhận 600.000.000 đồng và giao xe ô tô Mazda3 BKS 14A-238.85 cho anh X quản lý.

Trong khoảng thời gian từ khi nhờ anh N thuê xe đến tháng 5/2019, T vẫn chuyển tiền cho anh N để trả tiền thuê xe. Sau đó, T không trả tiền cho anh N nữa. Anh N nhiều lần liên lạc với T để đòi xe, nhưng T thay đổi chỗ ở cắt liên lạc với anh N. Ngày 24/9/2020, anh N đã đến cơ quan Công an thành phố Hạ Long trình báo, tố giác T về hành vi chiếm đoạt tài sản.

Ngày 31/12/2020, do không thu hồi được chiếc xe Mazda 3 BKS 14A-238.85 và cũng không liên lạc được với T nên anh Kiều T N phải trả cho anh Phạm Văn Tuấn - giám đốc Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ H Auto giá trị chiếc xe trên với số tiền 550.000.000 đồng và T lý toàn bộ hợp đồng thuê xe với anh Tuấn.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50/KLĐGTS ngày 08/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hạ Long kết luận: chiếc xe ô tô Mazda 3, BKS 14A-238.85 tại thời điểm bị xâm hại vào tháng 01/2019 có giá trị 589.100.000 đồng.

Tại cơ quan và tại phiên tòa, bị cáo T khai: vào cuối tháng 12/2018 đã nhờ anh Kiều T N (là bạn T) đứng ra thuê hộ cho T 01 chiếc xe Mazda 3 BKS 14A-238.85 với giá thuê 25.000.000 đồng/tháng để sử dụng, sau khi anh N giao xe cho T, T sử dụng khoảng 03 ngày thì giao cho Vũ Thị L (là bạn T) mang đi gửi, còn gửi ở đâu thì T không biết. Đến ngày 16/01/2019, T sử dụng danh nghĩa Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Minh Lâm ký vi bằng nội dung thế chấp 02 xe ô tô cho anh Ngô Văn X làm tin để vay 600.000.000 đồng, lý do để T được giảm lãi suất đối với số tiền đã vay trước đó, thực tế không phải T thế chấp 02 xe ô tô để vay 600.000.000 đồng như nội dung ghi trong vi bằng. Đến khoảng tháng 5/2019, T không có tiền chuyển cho anh N trả

tiền thuê xe, nên T đã chuyển chỗ ở, đi khỏi nơi cư trú, trốn tránh gặp mặt anh N, không T toán tiền thuê xe và không trả lại xe cho anh N. Hiện chiếc xe Mazda 3 biển kiểm soát 14A-238.85 đang ở đâu bị cáo không biết.

Bị hại anh Kiều T N có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo và người làm chứng về nội dung vụ án, ngoài ra anh N còn khai: sau khi anh giao xe cho T thì T cầm cổ cho ai ở đâu, được bao nhiêu tiền thì anh không biết, chỉ đến khi T không chuyển tiền cho anh để trả tiền thuê xe như thỏa thuận trước đó nên anh đã yêu cầu T trả xe thì T đã cắt liên lạc với anh, bỏ trốn để chiếm đoạt chiếc xe ô tô anh thuê hộ T dẫn đến anh bị thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn X có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với nội dung vụ án như đã nêu ở trên, ngoài ra anh X còn khai: khoảng ngày 26 - 27/12/2018 âm lịch, anh X sử dụng chiếc xe Innova biển số 30F-257.22 để đi lại thì bị chủ xe phát hiện đòi lấy xe, anh X đã gọi T đến giải quyết thì T đã trả cho anh X 200.000.000 đồng, anh X đã trả xe Innova cho chủ sở hữu. Sau sự việc này, anh X đã yêu cầu L, T trả hết tiền còn vay nợ và lấy xe ô tô về. Đến khoảng sau tết nguyên đán T, L đã trả nợ cho anh và lấy 03 chiếc xe ô tô còn lại mang đi nên anh không còn liên quan gì đến xe ô tô do T cầm cố tại chỗ anh nữa.

Đại diện Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ H Auto là anh Bùi Văn N - giám đốc Công ty khai: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ HaLong Auto thành lập ngày 27/3/2018 do anh Phạm Văn T làm giám đốc, đến giữa năm 2019 do anh T đi vắng khỏi nơi cư trú nên anh làm giám đốc thay, đến khoảng tháng 10/2019 thì công ty dừng hoạt động nên anh đăng ký thành lập công ty mới tên là Công ty cổ phần gara H, anh T không còn vai trò gì trong công ty mới do anh thành lập. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, BKS 14A-238.85 đứng tên chủ sở hữu là anh Phạm Văn T, anh Tuấn góp chiếc xe này vào Công ty, ngày 28/12/2018 anh Kiều T N thuê xe của công ty thì anh Phạm Văn T lúc đó đại diện công ty đã trực tiếp thỏa thuận ký hợp đồng với anh N. Khi trả tiền nếu khách hàng nào muốn lấy hóa đơn thì công ty sẽ viết hóa đơn bán lẻ cho khách, công ty không viết giấy tờ sổ sách để lưu lại. Về giá tiền thuê xe ô tô thì vào thời điểm tháng 12/2018, loại xe 5 chỗ như xe Mazda 3 BKS 14A-238. công ty cho thuê theo tháng là 25.000.000 đồng/tháng.

Những người làm chứng: anh Nguyễn Văn L, anh Trần Xuân Q, chị Nguyễn Thị T N, anh Trần Anh D, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại về nội dung vụ án.

Tại cáo trạng số 91/CT-VKSQN-P3 ngày 29/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Nguyễn Thị Phương T về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Phương T từ 12 năm đến 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 22/4/2022.

Về dân sự: buộc bị cáo T phải trả cho bị hại số tiền 1.002.500 đồng, gồm: 550.000.000 đồng là giá trị chiếc xe mà bị hại đã mua lại của anh Tuấn và 452.500.000 đồng là tiền thuê xe mà bị hại đã trả cho anh Tuấn thay cho bị cáo, đối với số tiền lãi anh N yêu cầu bị cáo trả cho anh nhưng không có cơ sở chứng minh nên không đề nghị. Tại phiên tòa gia đình bị cáo đã trả cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng, vì vậy cần buộc bị cáo phải trả cho bị hại số tiền là 972.500.000 đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Đồng ý với cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc đưa bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội và đến các tình tiết giảm nhẹ khác như: tại phiên tòa bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo có mẹ đẻ là người có công với Nhà nước nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về phần dân sự luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi của anh N.

Bị cáo đồng ý với quan điểm của luật sư bào chữa và không tranh luận bổ sung.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh và bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Phương T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: do có mối quan hệ là bạn của anh Kiều T N, nên ngày 28/12/2018 Nguyễn Thị Phương T đã nhờ anh N ký hợp đồng thuê 01 chiếc xe ô tô tự lái nhãn hiệu Mazda 3 biển kiểm soát 14A-238. của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ HaLong Auto, trị giá chiếc xe 589.100.000 đồng để đưa lại cho T sử dụng. Sau một thời gian sử dụng, đến ngày 16/01/2019 T đã mang chiếc xe trên thế chấp cho anh Ngô Văn X lấy tiền chi tiêu cá nhân rồi bỏ trốn chiếm đoạt chiếc xe trên.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Phương T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự, như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bạn bè để chiếm đoạt tài sản của họ, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo, làm mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm.

[4] Về nhân thân: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội; đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo có mẹ đẻ là người có công với Nhà nước nên được các hướng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: khi lượng hình, căn cứ vào nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính

nhân đạo của pháp luật, nhưng dù có xem xét giảm nhẹ hình phạt đến đâu thì việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với yêu cầu bị cáo phải trả cho bị hại số tiền mà bị hại đã phải bỏ ra để mua lại giá trị chiếc xe là 550.000.000 đồng. Xét thấy xe ô tô trên hiện không thu hồi được, anh N đã phải mua lại giá trị chiếc xe này trên giấy tờ của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ HaLong Auto nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho anh N số tiền này.

- Đối với yêu cầu buộc bị cáo phải trả cho bị hại số tiền mà bị hại đã trả cho bên cho thuê xe từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2020 là 452.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét: mặc dù trong hợp đồng thuê xe đã ký kết giữa anh N và phía chủ xe không ghi rõ giá thuê xe 01 tháng là bao nhiêu, nhưng căn cứ vào lời khai của anh N, của bị cáo và của anh Bùi Văn N đủ cơ sở kết luận giá xe cho thuê là 25.000.000 đồng/tháng. Về nguyên tắc muốn T lý hợp đồng thì phải T toán toàn bộ tiền thuê xe đến ngày ký T lý, thực tế anh N đã ký hợp đồng thuê xe ô tô với Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Hạ Long Auto từ ngày 28/12/2020 với giá 25.000.000 đồng/tháng và đến ngày 31/12/2020 anh N đã T lý hợp đồng, như vậy từ thời điểm thuê xe đến thời điểm T lý hợp đồng là 24 tháng tương ứng với số tiền phải trả cho bên cho thuê xe là: 24 tháng x 25.000.000 đồng/tháng = 600.000.000 đồng, trong khoảng thời gian thuê xe bị cáo T đã chuyển cho anh số tiền 147.500.000 đồng để anh trả tiền thuê xe, số tiền còn lại anh phải bỏ tiền cá nhân trả cho chủ xe là 452.500.000 đồng. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu này của anh N.

- Đối với yêu cầu buộc bị cáo phải trả cho bị hại số tiền lãi mà bị hại đã đi vay của người khác để trả tiền mua xe và tiền thuê xe. Xét thấy anh N khai số tiền anh đi vay để trả cho Công ty HaLong Auto là do vay của nhiều người, nhiều nguồn, hiện anh chỉ có tài liệu duy nhất chứng minh là gia đình anh đang vay ngân hàng số tiền 700.000.000 đồng cho anh để anh trả cho Công ty HaLong Auto, ngoài ra anh không có tài liệu nào khác và thực tế số tiền lãi anh phải trả cho nguồn vay để trả cho Công ty HaLong Auto là rất lớn, nhưng do anh không có tài liệu nên không tính toán được chính xác, vì vậy anh đề nghị Tòa án

giải quyết phần tiền lãi theo quy định của pháp luật. Xét thấy, do không có đủ căn cứ để xác định được số tiền và nguồn tiền mà bị hại đã dùng để trả cho Công ty HaLong Auto nên không chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi của bị hại.

Như vậy, tổng cộng số tiền bị cáo T phải trả cho bị hại là 1.002.500.000 đồng, bị cáo T đã trả cho bị hại số tiền là 30.000.000 đồng, vì vậy cần buộc bị cáo T phải tiếp tục trả cho bị hại số tiền là 972.500.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn X không yêu cầu giải quyết về phần vay nợ giữa T, L với anh nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Nội dung khác:

- Đối với Vũ Thị L có liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Phương T, Cơ quan điều tra đã xác minh hiện tại L đang vắng mặt tại gia đình và địa phương nên chưa ghi được lời khai để làm rõ, nội dung này Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với anh Ngô Văn X là người nhận cầm cố chiếc xe ô tô BKS 14A-238.85, nhưng không biết đó là tài sản do Nguyễn Thị Phương T phạm tội mà có, nên không đề cập xử lý hình sự.

- Đối với 03 chiếc xe ô tô (BKS: 15B-029., 34A-207. và 30F-257.) mà T và L cầm cố cho anh Ngô Văn X không liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với chiếc xe ô tô BKS 14A-238. mà T chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm toàn quốc nhưng đến nay vẫn chưa tìm được, cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, điều khoản truy tố, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ, phù hợp với nội dung của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị Phương T phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Phương T 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 22/4/2022.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589; Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương T phải có nghĩa vụ trả cho anh Kiều T N, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ 1, khu 2, phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh số tiền 972.500.000đ (chín trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 41.175.000đ (bốn mươi một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ HaLong Auto) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Ngô Văn X) có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQ CSĐT + CQ THAHS Công an tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao + VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Q.Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HS, THA.

Phạm Duy Hải